

## **B – CẤU TRÚC NỘI DUNG VÀ MÔ HÌNH SGK NGỮ VĂN THCS**

Chương trình môn Ngữ văn THCS được xây dựng theo tinh thần tích hợp khá cao, không chỉ chú trọng nội dung mà còn phục vụ tích cực cho việc đổi mới phương pháp dạy học. Vì thế, việc biên soạn SGK của môn học này có những thay đổi lớn so với các bộ SGK trước đây. Những thay đổi này tập trung trên các phương diện sau đây :

– Cấu trúc lại nội dung và phương pháp biên soạn theo tinh thần tích hợp : ba phân môn (Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn) gắn bó với nhau, dựa vào nhau và làm sáng tỏ cho nhau trong một cuốn sách.

– Lựa chọn và đưa vào một số văn bản tác phẩm hay hơn, tiêu biểu và phù hợp hơn do yêu cầu tích hợp, đồng thời bỏ đi một số văn bản không còn phù hợp với yêu cầu của Chương trình và SGK trong giai đoạn mới.

– Lược bỏ những nội dung phức tạp, những kiến thức quá chuyên sâu (nhất là Tiếng Việt) không mang lại ích dụng nhiều cho HS.

– Tăng cường thực hành ứng dụng bằng cách chú ý phần câu hỏi, bài tập rèn luyện và hệ thống bài đọc thêm cho HS tự tìm hiểu, tự đọc.

– Tăng cường gắn bó với cuộc sống bằng cách đưa vào một số văn bản có nội dung gắn gũi với cuộc sống hiện tại, một số vấn đề cấp thiết mà cả cộng đồng dân tộc và thế giới quan tâm.

– Xem lại hệ thống câu hỏi : cấp độ, dạng loại, số lượng và chất lượng các câu hỏi nhằm phục vụ tốt cho việc đổi mới phương pháp dạy học.

– Tăng cường kênh hình nhằm tạo nên sự cân đối, hài hoà với kênh chữ. Trong điều kiện kinh tế hiện nay, có thể trình bày sách đẹp hơn.

Để giảng dạy tốt Chương trình Ngữ văn THCS mới, GV trực tiếp đứng lớp cần nắm được một số vấn đề về nội dung và cấu trúc của SGK Ngữ văn.

## I – MẤY QUAN ĐIỂM CƠ BẢN TRONG VIỆC BIÊN SOẠN SGK NGỮ VĂN THCS

1. Cố gắng vừa tiếp thu những nội dung ổn định, hợp lí của bộ SGK Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn trước đây (sách chỉnh lí 1995), vừa có những *thay đổi cho phù hợp với tinh thần tích hợp và những yêu cầu mới* của Chương trình. Đây thực chất là vấn đề kế thừa và phát triển.

### a) Về hệ thống văn bản

Đọc sách Ngữ văn THCS, chúng ta sẽ thấy có nhiều văn bản quen thuộc, nhiều đơn vị kiến thức cơ bản của các phân môn Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn được kế thừa lại bộ sách chỉnh lí trước đây, nhưng cũng có nhiều thay đổi. Sự xuất hiện của các văn bản mới chủ yếu là do :

– Sách Ngữ văn lần này tổ chức dạy học theo tinh thần tích hợp, lấy các kiểu văn bản làm nơi gắn bó ba phân môn ; vì thế các văn bản lựa chọn phải vừa tiêu biểu cho các thể loại ở các thời kì lịch sử văn học, vừa đáp ứng tốt cho việc dạy các kiểu văn bản trong Tiếng Việt và Tập làm văn. Ví dụ : Trọng tâm của chương trình Ngữ văn 6 là văn bản *tự sự* và *miêu tả* cho nên việc lựa chọn văn bản chung phụ thuộc vào hai loại văn bản chủ đạo này (nói đúng ra là hai loại văn bản dùng các phương thức tự sự và miêu tả là chủ yếu). Những tác phẩm khác dù hay nhưng thể hiện không rõ các phương thức biểu đạt này thì cũng chưa lựa chọn.

Tương ứng với các kiểu văn bản ở trên, sách Ngữ văn lần này dựa vào thể loại tác phẩm để tổ chức dạy học (chứ không theo lịch sử văn học). Ví dụ : Trọng tâm của chương trình Ngữ văn 6 là *văn bản tự sự* với các thể loại như : *truyện dân gian* (truyện thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn), *truyện trung đại, truyện hiện đại, kí hiện đại*, vì thế khi biên soạn chủ yếu là lựa chọn các tác phẩm *văn xuôi*, ngay cả có tác phẩm thơ thì cũng chọn *những bài thơ có nhiều yếu tố miêu tả và tự sự*. Trọng tâm của Ngữ văn 7 lại là các *văn bản biểu cảm* và *văn bản lập luận*, ... cho nên khi biên soạn, chủ yếu lựa chọn các thể loại trữ tình trong văn học như *thơ trữ tình, tuỳ bút, các tác phẩm nghị luận nổi tiếng*. Lên lớp 8 và lớp 9, các kiểu văn bản và các thể loại tiêu biểu cho các thời kì lịch sử văn học lại được tuyển chọn và học lại kĩ hơn, mở rộng hơn (vòng II).

– Do yêu cầu gắn với cuộc sống nên một số *văn bản nhật dụng* được đưa vào sách Ngữ văn. Những văn bản này chủ yếu được lựa chọn theo nội dung (chủ đề và đề tài). Trọng tâm của các văn bản nhật dụng trong sách Ngữ văn 6 là vấn đề *môi trường, di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh*. Với lớp 7 là các chủ đề về *nhà trường, người mẹ, quyền trẻ em* và *vấn đề văn hoá, giáo dục*, ... Lên lớp 8, HS sẽ được tiếp xúc với các văn bản có chủ đề *bảo vệ môi trường, dân số, bài trừ nạn thuốc lá, ma tuý, về tương lai dân tộc, thế giới*. Cuối cùng Ngữ văn 9 sẽ giới thiệu với các em một số vấn đề về *quyền sống con người, vấn đề bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh, vấn đề hội nhập và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc*. Cần chú ý đây không phải là một thể loại văn học hay một kiểu văn bản. Sở dĩ gọi *văn bản nhật dụng* là xuất phát từ nội dung đề tài như trên đã nói và vì thế những văn bản này có thể thuộc bất kì thể loại nào của văn học hoặc không phải văn bản văn học.

#### b) Về Tiếng Việt và Tập làm văn

##### \* Tiếng Việt

Nhìn chung so với SGK chính lí trước đây, số giờ Tiếng Việt được rút xuống. Nội dung học tập vẫn là các vấn đề cơ bản đáng kể của tiếng Việt như : *cấu tạo từ, từ loại, nghĩa của từ, các biện pháp tu từ, câu và các kiểu câu, v.v...* nhưng do phải tích hợp nên sách Ngữ văn có thay đổi trong cách thức biên soạn. Có thể thấy sự thay đổi đó là :

– Khai thác các văn bản chung để cung cấp tri thức tiếng Việt, đồng thời giúp HS hiểu sâu thêm văn bản của tiết học Văn.

- Kiến thức được trình bày hết sức gọn gàng, nhẹ nhàng và dễ hiểu.
- Tăng cường luyện tập, thực hành.

*\* Tập làm văn*

Chương trình lần này chia ra sáu kiểu văn bản chính, nhằm hình thành và luyện tập sáu phương thức tạo lập văn bản là : *tự sự, miêu tả, biểu cảm, lập luận* (nghị luận), *thuyết minh, điều hành* (hành chính – công vụ). Chia tách thành các kiểu văn bản chẳng qua là nhằm giúp HS nhận biết các phương thức biểu đạt cụ thể, còn trong thực tế rất ít khi có được một văn bản chỉ dùng một phương thức nhất định. Có nghĩa là trong một văn bản, người viết có thể cùng sử dụng hai hay nhiều phương thức. SGK Ngữ văn THCS lần này một mặt cho HS thấy và nắm được các thao tác chính như *kể, tả, biểu cảm, lập luận, thuyết minh*, nhưng mặt khác cũng cho thấy sự đan xen và kết hợp của các thao tác này trong cùng một văn bản. Tự sự được hiểu rộng hơn các kiểu bài kể chuyện, tường thuật, trần thuật, nó bao hàm tất cả các kiểu bài trên. Cũng cần phân biệt khái niệm *phương thức tự sự* (văn tự sự) trong Tập làm văn với *thể loại tự sự* của tác phẩm văn học. Phương thức tự sự ở Tập làm văn tập trung vào hành động kể việc, thuật việc, trình bày diễn biến sự việc, ... còn thể loại tự sự (văn) bao hàm cả *kể và miêu tả* sự việc, sự vật. Tóm lại phân môn Tập làm văn cũng có kế thừa và phát triển, có tiếp thu và thay đổi so với SGK chính lí trước đây.

2. Tránh xu hướng hàn lâm, quá tải, nặng nề, thiếu thiết thực nhưng không hạ thấp yêu cầu giáo dục, hiện đại, cập nhật cả nội dung và phương pháp.

a) Một trong những hạn chế của SGK chính lí trước đây là có nhiều biểu hiện của xu hướng hàn lâm, quá tải, nặng về lí thuyết, ít ứng dụng, thực hành, ... Để tránh nhược điểm đó, lần này SGK Ngữ văn chủ trương thay đổi cách biên soạn. Những thay đổi này thể hiện ở :

- Văn bản hầu hết là ngắn gọn với những chú thích chi tiết, sáng sủa, dễ hiểu ;
- Ít đưa ra các định nghĩa và khái niệm phức tạp mà chủ yếu từ ví dụ cụ thể để HS nhận diện, tìm hiểu và lí giải ;
- Tăng số lượng tranh, ảnh minh hoạ ;
- Tăng cường hệ thống câu hỏi và bài tập thực hành, ứng dụng, chú ý phân luyện tập ở cả tiết học Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn ;

– Giảm bớt các đơn vị kiến thức không thiết thực, ít được vận dụng trong đời sống.

b) Sách Ngữ văn chủ trương hiện đại và cập nhật cả nội dung và phương pháp dạy – học trong việc biên soạn. Điều này thể hiện ở một số điểm sau đây :

– Quan niệm SGK là công cụ để GV tổ chức hoạt động học tập của HS trên lớp cũng như ở nhà, hình thành cho các em cách đọc, cách học, cách viết chứ không phải chỉ là tài liệu cho GV dựa vào để thuyết giảng.

– Hệ thống câu hỏi và bài tập được thiết kế theo tinh thần đề cao hoạt động học tập, đặt ra các tình huống và khuyến khích HS tìm cách giải quyết các tình huống bằng nhiều cách thức khác nhau. Tăng cường hệ thống câu hỏi mở, câu hỏi sáng tạo, hạn chế câu hỏi tái hiện, nhằm hình thành tính năng động và góp phần phân hoá trình độ HS.

– SGK Ngữ văn không chỉ chú ý cung cấp kiến thức mà còn *chú ý hình thành kỹ năng tự học, tự tìm hiểu ở HS*. Với việc tổ chức học tập và giảng dạy theo thể loại, sách mong muốn giúp HS không chỉ học một biết một mà thông qua các tác phẩm cụ thể (nhưng tiêu biểu cho một thể loại) đã học, HS biết cách cảm thụ, tìm hiểu và tiếp nhận các tác phẩm khác tương tự về đặc điểm thể loại, hệ thống thi pháp, cách thức thể hiện, ... ; có nghĩa là không chỉ chú ý giúp HS *học cái gì* mà còn giúp họ *học như thế nào* cho có hiệu quả cao.

Cách biên soạn như trên cũng giúp GV tổ chức tốt giờ dạy theo tinh thần tích cực hoá hoạt động của HS.

3. Coi trọng tính đặc thù của bộ môn nhưng cố gắng bám sát mô hình chung của SGK THCS để có một sự tương đối thống nhất.

Mỗi môn học đều có tính đặc thù với những yêu cầu hình thành kiến thức, kỹ năng riêng. Điều đó không có nghĩa là mỗi môn học tùy tiện đề ra một mô hình SGK khác nhau. Sách Ngữ văn THCS lần này vừa chú ý tới đặc trưng bộ môn, nhưng cũng tuân thủ những quy định chung của mô hình SGK bậc THCS. Mô hình chung ấy thể hiện ở quy trình và cách trình bày trong SGK theo phương hướng :

– Cung cấp thông tin → xử lý thông tin → rút ra bài học → thực hành.

– Thống nhất cách trình bày bìa, phụ lục, khổ sách, co chữ,... và những quy định mang tính hình thức chung.

## II – CẤU TRÚC NỘI DUNG CỦA SGK NGỮ VĂN THCS

### 1. Khái quát về SGK Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn THCS chính lí trước đây

Đây là bộ SGK được xây dựng theo xu hướng kết hợp. Ba phân môn tách rời nhau, xây dựng thành ba cuốn SGK riêng, vì thế vừa có ưu điểm vừa có nhược điểm.

#### a) Ưu điểm

Bảo đảm được tính độc lập của phân môn, đáp ứng và giải quyết được nhiều vấn đề do môn khoa học tương ứng đặt ra. Ví dụ, với tư cách một phân môn độc lập, Tiếng Việt sẽ giải quyết tương đối dễ dàng vấn đề hệ thống tri thức Việt ngữ và một số vấn đề của lí thuyết ngôn ngữ học. Với phân môn Văn học là các vấn đề như : lịch sử văn học, tác giả và tác phẩm văn học, một số vấn đề lí luận văn học, v.v... Những vấn đề trên nếu dạy học theo nguyên tắc *tích hợp* sẽ ít nhiều bị phá vỡ, hay nói đúng hơn sẽ rất khó thực hiện được trọn vẹn như dạy học *kết hợp*.

#### b) Nhược điểm

*Thứ nhất* : Bản thân ba phân môn trên có mối quan hệ rất chặt chẽ cả về kiến thức lẫn kĩ năng, nhưng do dạy độc lập nên nhiều "mảng" kiến thức và kĩ năng trùng lặp mà lại ít hỗ trợ được cho nhau.

*Thứ hai* : Việc tách ra ba phân môn để tạo ra cho GV và HS thói quen dạy và học những phân môn trên một cách cứng nhắc, dung tục. Ví dụ trong việc phân tích, giảng giải tác phẩm văn chương, rất nhiều những kiến thức và kĩ năng học được ở phân môn Tiếng Việt như : *ngữ âm, nhịp điệu, từ ngữ, các loại câu, các biện pháp tu từ, các quy tắc hội thoại, những cách nói hàm ẩn, hàm ngôn, ...* là cơ sở quan trọng để "giải mã" những nội dung tiềm ẩn sâu sắc trong các tác phẩm văn chương, nhưng lại ít được GV và HS để ý khai thác. Đành rằng để hiểu tác phẩm văn chương không chỉ có những tri thức ngôn ngữ, nhưng bỏ qua "yếu tố thứ nhất" này, tức là bỏ qua văn bản tác phẩm, cũng có nghĩa là khó tránh khỏi xu hướng rơi vào phân tích kiểu xã hội học dung tục.

### 2. Nội dung và cách thức tích hợp của SGK Ngữ văn THCS

Như trên đã trình bày, trong Chương trình chính lí trước đây, bộ môn này bao gồm ba phân môn khá độc lập là Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn. Nay

ba phân môn ấy được dồn lại trong một đầu sách và lấy tên chung là *Ngữ văn*. Đây không chỉ đơn thuần là dồn ba phân môn lại thành một cuốn sách theo kiểu gộp lại (combinaison), mà chúng được xây dựng theo tinh thần tích hợp (intégration).

Theo tinh thần này, cả ba phân môn *Văn học*, *Tiếng Việt* và *Tập làm văn* có mối liên hệ hết sức chặt chẽ, phụ thuộc vào nhau, ủng hộ lẫn nhau. Hệ thống văn bản chung cho cả cuốn *Ngữ văn* được lựa chọn chủ yếu theo hệ thống các thể loại tác phẩm tiêu biểu, gần gũi và có nhiều điểm chung, thuận lợi cho việc dạy cả ba phân môn. Số lượng văn bản tác phẩm sẽ học ít đi nhưng được khai thác kỹ hơn. Xin nêu một số liệu để so sánh : Tổng số văn bản tác phẩm của SGK Văn học 6 chính lí trước đây là 64 (trong đó có 41 tác phẩm được giảng văn còn 23 tác phẩm đọc thêm), chưa kể các bài khái quát và ôn tập. Theo tinh thần mới, tổng số văn bản đưa vào SGK *Ngữ văn 6* lần này chỉ là 34. Đơn vị bài học trong sách *Ngữ văn* lớn hơn, bao gồm một hoặc hai văn bản chung cho cả ba phân môn cùng khai thác. Trong trường hợp văn bản chung không cung cấp đủ các ngữ liệu để học *Tiếng Việt* và *Tập làm văn*, thì mới lấy văn bản phụ hoặc các văn bản khác học trước đó để khai thác.

### **3. Cấu trúc tổng thể của SGK *Ngữ văn THCS***

Mở đầu cuốn SGK mỗi lớp có *Lời nói đầu* giới thiệu nội dung, đặc điểm và hướng dẫn việc sử dụng.

Các văn bản được sắp xếp theo thể loại tạo nên những cụm bài. Trong mỗi cụm bài có các bài học. Mỗi bài, học trọn vẹn một hoặc hai văn bản ngắn trong thời gian bốn tiết (ở lớp 9 là năm tiết). Các bài học được tổ chức theo trình tự : Văn học – Tiếng Việt – Tập làm văn. Cả ba đều dựa chủ yếu vào cùng một văn bản để khai thác.

Sau một số bài, tùy thuộc vào mỗi phân môn, có phần ôn tập, sơ kết để xâu chuỗi các kiến thức hàng dọc có tính hệ thống của phân môn đó.

### **4. Cấu trúc nội dung của bài học trong SGK *Ngữ văn***

Cấu trúc chung của mỗi bài bao gồm các phần không đánh số thứ tự mà chỉ in đậm, nhạt và dùng các co chữ khác nhau :

– Phần đầu nêu *Kết quả cần đạt* (chung cho cả ba phân môn đặt trong khung).

– Phần *Văn bản* (chung) : thường là một văn bản hoặc hai văn bản rất ngắn. Trường hợp trích tác phẩm dài thì trước đó có thể có phần tiểu dẫn ngắn gọn.

– Phần *Chú thích* : cung cấp một số kiến thức về thể loại văn học, tác giả, tác phẩm ; giải nghĩa những từ ngữ khó, điển tích, điển cố, ...

– Phần *Đọc – hiểu văn bản* : nêu những câu hỏi và hoạt động của HS nhằm tìm hiểu văn bản theo ba hướng : đọc – hiểu ; suy nghĩ – vận dụng ; liên tưởng – tích lũy. Có những câu khó (dấu \*) dành cho HS khá, giỏi.

– Tên mục của phần Tiếng Việt, ví dụ : *Danh từ*.

Kiến thức Tiếng Việt được trình bày theo hướng quy nạp, từ các ví dụ cụ thể HS sẽ rút ra kết luận và từ đó luyện tập bằng hệ thống bài tập. Ngữ liệu ưu tiên trước hết lấy ở phần văn bản chung đã và đang học, trường hợp cần thiết sẽ lấy thêm ở văn bản phụ.

– Tên mục của phần Tập làm văn, ví dụ : *Văn miêu tả*.

Lí thuyết Tập làm văn được trình bày rất ngắn gọn sau khi yêu cầu HS trả lời những câu hỏi tìm hiểu các mẫu minh họa. Ưu tiên dùng mẫu của văn bản đã và đang học. Cuối cùng là bài tập, đề văn dùng để luyện tập, thực hành. Đề và các bài tập sẽ chú ý đến tính đa dạng, tính phân hoá trình độ của HS.

– Phần *Ghi nhớ*

Trong bài học, sau các phần nội dung của mỗi phân môn sẽ nêu vấn đề và sáng rõ các kiến thức cơ bản cần nắm (đóng khung và in nghiêng). Đây chính là *chuẩn kiến thức cần ghi nhớ* (tối thiểu) của bài học. Việc luyện tập (trên lớp, ở nhà), kiểm tra, thi cử nên căn cứ vào các chuẩn này để ra đề và đánh giá.

– Phần *Đọc thêm* (tư liệu tham khảo)

Đưa các tư liệu tham khảo ngắn gọn, vui, bổ ích, có giá trị thông tin cao, liên quan và làm sáng tỏ cho bài học ở cả ba phân môn.

– Phần *Luyện tập* (ở phân môn Văn học, có thể có hoặc không).

– Phần *Phụ lục* : có bảng tra cứu các yếu tố từ Hán Việt ở cuối tập hai, SGK của mỗi lớp.

– Phần ảnh và tranh minh họa (kênh hình) : tăng thêm nhiều tranh ảnh minh họa.

### III – MÔ HÌNH BÀI HỌC TRONG SGK NGỮ VĂN THCS

Toàn bộ nội dung trên được thể hiện theo mô hình sau :

#### BÀI ...

**Kết quả cần đạt** (nêu chung cho cả bài học, đóng khung)

#### VĂN BẢN (chung)

(Tên văn bản)

**Chú thích**

#### ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

**Ghi nhớ** (đóng khung)

LUYỆN TẬP

ĐỌC THÊM (có thể có hoặc không)

**NỘI DUNG TIẾNG VIỆT** (*Từ và cấu tạo của từ... ; Từ mượn ; ...*)

**Ghi nhớ** (đóng khung)

LUYỆN TẬP

ĐỌC THÊM (có thể có hoặc không)

**NỘI DUNG TẬP LÀM VĂN** (*Ngôi kể và lời kể... ; Lời văn, đoạn văn tự sự, ...*)

**Ghi nhớ** (đóng khung)

LUYỆN TẬP

ĐỌC THÊM (có thể có hoặc không)

Căn cứ mô hình SGK trên, có thể thiết kế mô hình bài giảng. Nói chung, mỗi bài giảng nên gồm *bốn* phần. Phần đầu cho HS tiếp xúc văn bản và tìm hiểu *Chú thích*. Ba phần sau ứng với nội dung dạy – học của ba phân môn. Theo quan điểm tích hợp, không nên nhập phần đầu vào phần *Đọc – hiểu văn bản* tức nội dung riêng của phân môn Văn học.